

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 08/2018/DSST

Ngày 12-7-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Ông Võ Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa: ông Phan Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Võ Văn L, sinh năm: 1960; *(Có mặt)*

- Bà Lê Thị T, sinh năm: 1976; *(Có mặt)*

Địa chỉ: khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1966; *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bé N (tên gọi khác Nguyễn Thị N), sinh năm: 1967; *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2017, tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Văn L, bà Lê Thị T thống nhất trình bày:

Từ năm 2003, vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N (Nguyễn Thị N) đến cửa hàng của ông, bà mua phân và thuốc bảo vệ thực vật để sản xuất

lúa. Đến ngày 01/8/2013, hai bên đối chiếu sổ sách thì ông T và bà N còn nợ lại tính cả gốc và lãi với số tiền 871.200.000 đồng, ông T và bà N có ký tên vào tờ giấy biên nhận nợ.

Thực tế, số tiền nợ 871.200.000 đồng này là do ông T bảo lãnh nợ cho 5 người ở tỉnh Đồng Tháp mua phân và thuốc bảo vệ thực vật gồm ông Trần Văn D, ông Trần Văn H, ông V, ông Đ và ông sáu N do các ông không trả tiền hết nên còn thiếu lại. Trong đó, ông H thiếu số tiền 16.123.000 đồng (vụ đông xuân 2005), ông D thiếu số tiền 70.003.000 đồng (vụ đông xuân năm 2005), ông V thiếu 20.610.000 đồng (tháng 4/2005), ông Đ thiếu 17.813.000 đồng (tháng 4/2006) và ông sáu N thiếu 7.573.000 đồng (tháng 01/2003), riêng của ông T tính đến ngày 15/6/2007 thiếu số tiền 122.419.000 đồng, tổng cộng nợ là 254.544.000 đồng. Đến ngày 20/8/2008, ông T có viết biên nhận nợ 396.000.000 đồng (gốc 254.544.000 đồng và lãi 141.456.000 đồng) và hẹn mỗi năm trả 100.000.000 đồng nhưng ông T không trả, nên ông T và bà N tiếp tục ký nhận nợ vào ngày 01/8/2013 số tiền 871.200.000 đồng. Ông L, bà T có giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 613956 số vào sổ 683 QSDĐ/1406-LA do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Trần Văn T ngày 24/7/1997. Theo đơn khởi kiện ông L, bà T khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải liên đới trả số tiền 871.200.000 đồng theo biên nhận ngày 01/8/2013 và tiền lãi 428.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn L, bà Lê Thị T thay đổi một phần đơn khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N phải liên đới trả cho ông L, bà T số tiền 871.200.000 đồng theo biên nhận ngày 01/8/2013, không yêu cầu trả tiền lãi. Đồng thời, ông L và bà T đồng ý giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 613956 cho ông T và bà N.

2. Theo các biên bản lấy lời và biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông thừa nhận từ năm 2003, vợ chồng ông có đến cửa hàng của ông Võ Văn L, bà Lê Thị T mua thiếu phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, khi xong vụ mùa thì thanh toán tiền, trả không hết, thiếu lại chuyển sang vụ sau. Cùng thời gian đó ông có lãnh trả nợ cho một số người gồm ông Trần Văn D, ông Trần Văn H, ông V, ông Đ và ông sáu N như ông L trình bày như trên. Đến ngày 20/8/2008, ông có viết biên nhận thiếu tổng nợ của ông và nợ ông lãnh trả là 396.000.000 đồng, hẹn mỗi năm trả 100.000.000 đồng, nhưng ông không có khả năng trả. Đến ngày 01/8/2013, thống nhất tổng nợ của ông và nợ ông lãnh trả với số tiền 871.200.000 đồng, vợ chồng ông có ký tên vào biên nhận này.

Ông Trần Văn T đồng ý cùng với bà Nguyễn Thị Bé N liên đới trả cho ông L, bà T số tiền theo yêu cầu của ông L, bà T, nhưng do điều kiện khó khăn nên ông xin trả dần.

3. Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé N (Nguyễn Thị N) trình bày:

Bà N thừa nhận có mua thiếu phân thuốc trừ sâu của ông L, bà T. Hiện vợ chồng bà thiếu số tiền 871.200.000 đồng, trong đó có nợ lãnh trả cho người khác, vợ chồng bà có ký tên vào biên nhận ngày 01/8/2013. Vợ chồng bà có đưa ông L,

bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà đồng ý liên đới cùng với ông Trần Văn T trả nợ theo yêu cầu của ông L, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa vắng mặt ông T và bà N, tuy nhiên ông T và bà N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Về nội dung: ông L, bà T yêu cầu ông T và bà N phải liên đới trả số tiền nợ trong hợp đồng mua bán 871.200.000 đồng theo biên nhận ngày 01/8/2013 và tiền lãi 428.800.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Võ Văn L, bà Lê Thị T thay đổi một phần đơn khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N phải liên đới trả cho ông L và bà T số tiền 871.200.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ông T và bà N thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của ông L, bà T, đồng thời còn đứng ra nhận mua dùm cho 05 người ở tỉnh Đồng Tháp (ông D, ông H, ông V, ông Đ và ông sáu N) nhưng đến nay chưa thực hiện xong nghĩa vụ. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm các giấy tờ thể hiện việc mua bán vật tư nông nghiệp và bản cam kết trả nợ. Cho nên, ông L và bà T khởi kiện yêu cầu ông T và bà N thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 256, 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Văn L, bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N phải liên đới trả số tiền nợ mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật 871.200.000 đồng theo biên nhận ngày 01/8/2013 và tiền lãi 428.800.000 đồng. Tòa án căn cứ vào Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thụ lý giải quyết theo qui định. Tại phiên tòa, ông Võ Văn L, bà Lê Thị T thay đổi một phần đơn khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N phải liên đới trả cho ông L và bà T số tiền 871.200.000 đồng nên áp dụng vào Điều 256, 298, 463 Bộ luật Dân sự năm 2005 giải quyết theo qui định.

Sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N (tên gọi khác Nguyễn Thị N) không đến, nên căn cứ Điều khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo quy định.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Ông L, bà T với ông T và bà N thỏa thuận thống nhất số nợ mà ông T và bà N nợ ông L, bà T số tiền 871.200.000 đồng theo biên nhận ngày 01/8/2013.

[2] Theo các chứng cứ do ông L, bà T cung cấp thì phần ông T tính đến ngày 15/6/2007 thiếu số tiền nợ là 122.419.000 đồng; ông H thiếu số tiền 16.123.000 đồng (vụ đông xuân 2005), ông D thiếu số tiền 70.003.000 đồng (vụ

đông xuân năm 2005), ông V thiếu 20.610.000 đồng (tháng 4/2005), ông Đ thiếu 17.813.000 đồng (tháng 4/2006) và ông sáu N thiếu 7.573.000 đồng (tháng 01/2003). Tổng các khoản nợ 254.541.000 đồng. Do ông T cùng các ông D, ông H, ông V, ông Đ và ông sáu N chưa thanh toán nợ cho ông L, bà T nên vào ngày 20/8/2008, ông T có viết biên nhận nợ tổng số tiền 396.000.000 đồng, hẹn mỗi năm trả 100.000.000 đồng. Sau đó, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ông T và bà N tiếp tục ký nhận nợ ngày 01/8/2013 số tiền 871.200.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, ông Võ Văn L, bà Lê Thị T thay đổi một phần đơn khởi kiện, yêu cầu ông T và bà N phải liên đới trả cho ông L và bà T số tiền 871.200.000 đồng theo biên nhận ngày 01/8/2013, không yêu cầu lãi suất.

Xét thấy: Ông T và bà N thừa nhận có mua thiếu phân và thuốc bảo vệ thực vật của ông L, bà T và còn nhận bảo lãnh nợ dùm cho các ông D, ông H, ông V, ông Đ và ông sáu N. Do các ông D, ông H, ông V, ông Đ và ông sáu N đến nay chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên ông T và bà N đồng ý trả các khoản nợ mà ông, bà nhận bảo lãnh trả như trên. Cho nên, ông L và bà T yêu cầu ông T và bà N phải liên đới trả cho số tiền 871.200.000 đồng là có cơ sở phù hợp điều 256, 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

Do đó, ông T và bà N phải liên đới trả cho ông L và bà T số tiền 871.200.000 đồng.

[4] Ông Trần Văn T đồng ý cùng với bà Nguyễn Thị Bé N liên đới trả cho ông L, bà T số tiền theo yêu cầu của ông L, bà T, nhưng do điều kiện khó khăn nên ông xin trả dần là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Ông L, bà T đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 613956 số vào sổ 683 QSDĐ/1406-LA do Ủy Ban Nhân Dân huyện T cấp cho ông Trần Văn T ngày 24/7/1997, ông L và bà T đồng ý giao trả cho ông T và bà N là phù hợp nên ghi nhận.

[5] *Về án phí*: Ông T và bà N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 38.136.000 đồng.

Ông L, bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông L, bà T 26.120.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004070 ngày 04/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 25, 33, 35 147, 227, 228, 243, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256, 298, 361, 363, Điều 428, 432, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo yêu cầu của ông Võ Văn L, bà Lê Thị T.

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N (tên gọi khác Nguyễn Thị N) phải liên đới trả cho ông Võ Văn L, bà Lê Thị T số tiền 871.200.000 đồng (Tám trăm bảy mươi một triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Ông Võ Văn L, bà Lê Thị T có trách nhiệm liên đới giao trả cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N (tên gọi khác Nguyễn Thị N) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 613956, số vào sổ 683 QSDĐ/1406-LA, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Trần Văn T đứng tên ngày 24/7/1997.

3. Về án phí: ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bé N (tên gọi khác Nguyễn Thị N) phải liên đới chịu 38.136.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn L, bà Lê Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Võ Văn L, bà Lê Thị T số tiền 26.120.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004070 ngày 04/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự (ông T và bà N) vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ; - Lưu án văn;

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung